

Số: 1711/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế"
cho sản phẩm nón lá ở tỉnh Thừa Thiên Huế**

| | |
|---------------------------------|------------|
| CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T. HUẾ | |
| ĐẾN | Số: 884 |
| | Ngày: 16/7 |
| | Chuyên: |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 558/TTr-SKHCCN ngày 27 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế" cho sản phẩm nón lá ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Giao cho Hội Nón lá Huế chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan triển khai, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

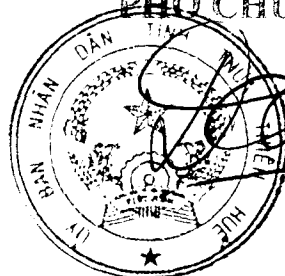
Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội Nón lá Huế; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KHCCN;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- VP: CVP, PCVP N.Đ. Bách;
- Công TTĐT TT Huế;
- Lưu VT, DL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KÍ CHỮ TỊCH
ĐẠI CHỮ TỊCH**



Phan Thiên Định



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế" cho sản phẩm nón lá ở tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về quản lý (bao gồm quản lý nhà nước và quản lý nội bộ việc sử dụng) đối với chỉ dẫn địa lý "Huế" cho sản phẩm nón lá ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý chỉ dẫn địa lý "Huế"; các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế" cho sản phẩm nón lá; các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm nón lá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Chỉ dẫn địa lý (CDĐL) là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.

Chỉ dẫn địa lý được đề cập trong Quy chế này là Chỉ dẫn địa lý "Huế" cho sản phẩm nón lá của tỉnh Thừa Thiên Huế, gọi tắt là chỉ dẫn địa lý "Huế".

2. Vùng địa danh tương ứng với CDĐL Huế là khu vực địa lý đáp ứng các điều kiện của vùng nguyên liệu lá nón, vùng sơ chế nguyên liệu lá nón, vùng sản xuất các vật liệu phụ và vùng sản xuất sản phẩm nón lá Huế phù hợp với tính đặc thù và các chỉ tiêu chất lượng theo quy định, được xác định và thể hiện trên bản đồ kèm theo quyết định đăng bạ CDĐL "Huế".

3. Sản phẩm nón lá bao gồm: nón lá 3 lớp, nón bài thơ được làm từ lá nón; các sản phẩm trung gian như lá nón nguyên liệu, lá nón đã được sơ chế, vành nón; sản phẩm phụ là khuôn (khung) chằm.

4. Hội Nón lá Huế là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của những người trực tiếp khai thác, sản xuất, gia công, trao đổi mua bán nón lá và những người yêu nón lá Huế tự nguyện, đoàn kết, hợp tác cùng nhau gìn giữ, tôn vinh và phát huy giá trị, hình ảnh của chiếc nón lá Huế.

5. Cơ quan kiểm soát chất lượng là tổ chức được ủy quyền, đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, có chức năng kiểm soát chất lượng sản phẩm nón lá mang CDĐL "Huế".

6. Cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế" dùng cho sản phẩm nón lá của tỉnh Thừa Thiên Huế" là việc tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ủy quyền quản lý chỉ dẫn địa lý cho phép tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh nón lá được quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế" thể hiện bằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Huế cho tổ chức, cá nhân đó.

7. Thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý là việc tổ chức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực, hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý đã cấp cho tổ chức, cá nhân.

8. Sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế" là việc thực hiện các hành vi sau đây:

a) Gắn chỉ dẫn địa lý "Huế" lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, biển hiệu kinh doanh, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nón lá.

b) Lưu thông, chào bán, quảng cáo nhằm để bán, trữ để bán nón lá mang chỉ dẫn địa lý Huế.

Điều 3. Hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý "Huế"

Hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý "Huế" bao gồm các tổ chức chịu trách nhiệm về quản lý và kiểm soát nội bộ; xác nhận và kiểm soát chất lượng; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL và hoạt động hỗ trợ quản lý chỉ dẫn địa lý từ bên ngoài. Trong đó:

1. Hoạt động quản lý nội bộ do Hội Nón lá Huế đảm nhận.

2. Hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm do Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng tỉnh Thừa Thiên Huế đảm nhận.

3. Hoạt động kiểm tra xác nhận đủ điều kiện sử dụng CDĐL do Hội Nón lá Huế đảm nhận.

4. Hoạt động cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL "Huế" do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Hội Nón lá Huế đảm nhận.

5. Hoạt động hỗ trợ và quản lý CDĐL từ bên ngoài do các cơ quan quản lý nhà nước liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp thuộc vùng chỉ dẫn địa lý đảm nhận.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế"

1. Chỉ dẫn địa lý "Huế" là tài sản của tỉnh Thừa Thiên Huế. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là chủ sở hữu CDĐL "Huế".

2. Ủy ban nhân dân tỉnh trao quyền quản lý CDĐL “Huế” cho Hội Nón lá Huế. Hội Nón lá Huế có các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

3. Mọi tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng CDĐL “Huế” có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Khai thác, sử dụng và hưởng các lợi ích kinh tế phát sinh từ CDĐL “Huế”;

b) Tuân thủ đúng các quy định liên quan đến việc sử dụng CDĐL “Huế” nhằm duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển giá trị tài sản trí tuệ đối với CDĐL “Huế”;

c) Ngăn cấm người khác sử dụng chỉ dẫn địa lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 123 Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 6. Sản phẩm của nón lá Huế

1. Sản phẩm nón lá mang CDĐL “Huế” gồm: nón lá 3 lớp, nón lá bài thơ; các sản phẩm trung gian như lá nón nguyên liệu, lá nón đã được sơ chế, vành nón; sản phẩm phụ là khuôn (khung) chằm.

2. Sản phẩm của nón lá Huế có tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm và quy trình sản xuất được công bố theo Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL.

Chương II

QUẢN LÝ NỘI BỘ VIỆC SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “HUẾ”

Điều 4. Điều kiện được sử dụng chỉ dẫn địa lý “Huế”

Để được cấp quyền sử dụng CDĐL “Huế”, các tổ chức, cá nhân phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có hoạt động sản xuất (bao gồm một, một số công đoạn của quá trình sản xuất), kinh doanh nón lá trong khu vực địa danh tương ứng với CDĐL đã được xác định theo quyết định đăng bạ CDĐL “Huế”.

2. Cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm nón lá Huế và các quy định về tem, nhãn sản phẩm trong quá trình sử dụng CDĐL “Huế”.

3. Được Hội Nón lá Huế xác nhận đủ điều kiện để sản xuất nón lá mang CDĐL “Huế”.

4. Bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở tự công bố cho sản phẩm nón lá phù hợp với các chỉ tiêu chất lượng chính của nón Huế tại Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý “Huế” đối với sản phẩm nón lá ban hành kèm theo Quyết định số 1347/QĐ-SHTT ngày 19/7/2010 của Cục Sở hữu trí tuệ (thông tin chi tiết Phụ lục kèm theo).

Điều 7. Dấu hiệu xác nhận Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ

1. Dấu hiệu xác nhận CDĐL được bảo hộ là biểu tượng chứng minh CDĐL đã được đăng bạ tại Cục Sở hữu trí tuệ và được gắn trên nhãn sản phẩm nguyên liệu lá, nhãn sản phẩm nón lá và các tài liệu giao dịch liên quan khác.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thống nhất việc sử dụng dấu hiệu CDĐL “Huế” được bảo hộ cho sản phẩm nón lá ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 8. Hội Nón lá Huế

1. Hội Nón lá Huế là tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý, quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng CDĐL “Huế” (sau đây gọi tắt là thành viên) trong quá trình sử dụng CDĐL “Huế” nhằm đảm bảo duy trì, nâng cao chất lượng, danh tiếng và giá trị kinh tế của nón lá Huế.

2. Hội có nhiệm vụ sau:

- a) Trực tiếp quản lý chỉ dẫn địa lý theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Kiểm tra xác nhận đủ điều kiện sử dụng CDĐL “Huế”;
- c) Cấp quyền sử dụng CDĐL “Huế” cho các thành viên;
- d) Cấp mã số thành viên sử dụng CDĐL “Huế”;
- đ) Cấp và quản lý việc sử dụng tem, nhãn sản phẩm, bao bì sản phẩm mang CDĐL “Huế” cho các sản phẩm nón lá của các thành viên;
- e) Thống kê, lập, quản lý hồ sơ và theo dõi tình hình sản xuất, kinh doanh nón lá mang CDĐL “Huế” của các thành viên;
- g) Quản lý và giám sát quá trình khai thác, sơ chế nguyên liệu lá nón; sản xuất, bảo quản và kinh doanh nón lá mang CDĐL “Huế” của các thành viên;
- h) Xây dựng và tổ chức hệ thống thương mại nhằm nâng cao giá trị kinh tế của nón lá Huế;
- i) Tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức cho thành viên về chuyên môn sản xuất, kinh doanh sản phẩm nón lá mang CDĐL “Huế”, ý thức bảo vệ môi trường;
- j) Thực hiện quyền sử dụng, quản lý đối tượng sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý quy định tại khoản 2 Điều 123, Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 9. Thống kê, theo dõi hiện trạng sản xuất và kinh doanh nón lá Huế

1. Hàng năm, các Tổ hội hướng dẫn các thành viên có nhu cầu sử dụng CDĐL tại các thôn, làng lập bản kê khai hiện trạng sản xuất, kinh doanh nón lá Huế theo mẫu. Bản kê khai được nộp cho Tổ hội.

2. Các Tổ hội tập hợp số liệu kê khai, kiểm tra, xác nhận số liệu và báo cáo Ban Kiểm soát Hội.

3. Ban Kiểm soát Hội tổng hợp số liệu, tổ chức kiểm tra, xác nhận hiện trạng sản xuất, kinh doanh và lập báo cáo.

Chương III

CẤP, THU HỒI QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ "HUẾ" VÀ CẤP TEM, NHÃN SẢN PHẨM MANG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Điều 10. Yêu cầu cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng CDĐL "Huế" (sau đây gọi tắt là người yêu cầu) phải gửi hồ sơ đề nghị cấp quyền sử dụng CDĐL "Huế" đến Hội Nón lá Huế.

2. Hồ sơ đề nghị cấp quyền sử dụng CDĐL "Huế", gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế";

b) Bản tự công bố tiêu chuẩn cơ sở phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm nón lá Huế;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức), hoặc bản sao Hộ khẩu thường trú hoặc chứng nhận tạm trú thuộc khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý (đối với cá nhân);

d) Mẫu nhãn hiệu, biên hiệu (nếu có).

Điều 11. Tổ chức kiểm tra xác nhận đủ điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Hội Nón lá Huế có trách nhiệm kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân yêu cầu để xác nhận đủ hoặc không đủ điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Điều 12. Cấp quyền sử dụng CDĐL

1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, Hội Nón lá Huế căn cứ biên bản kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và Bản tự công bố tiêu chuẩn cơ sở để quyết định cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL "Huế".

a) Nếu tổ chức, cá nhân yêu cầu không đáp ứng các quy định nêu tại Điều 4 quy chế này thì Hội Nón lá Huế từ chối cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý và nêu rõ lý do bằng văn bản.

b) Nếu tổ chức, cá nhân yêu cầu đáp ứng các quy định nêu tại Điều 4 quy chế này thì Hội Nón lá Huế cấp quyền sử dụng CDĐL thông qua việc ra quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL.

2. Mẫu Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp và được gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần 5 năm kể từ ngày gia hạn.

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL "Huế" là tài liệu bắt buộc phải có trong hồ sơ cấp phát và sử dụng tem nhãn của các tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL.

Điều 13. Thu hồi quyền sử dụng CDĐL

1. Hội Nón lá Huế thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý đối với các tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 13 của Quy chế này thông qua việc ra Quyết định chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế".

2. Các trường hợp sau đây bị thu hồi quyền sử dụng CDĐL:

a) Không tổ chức sản xuất sản phẩm nón lá mang CDĐL liên tục từ 2 năm trở lên kể từ ngày được cấp quyền sử dụng CDĐL;

b) Hoạt động sản xuất sản phẩm nón lá không thuộc khu vực địa lý mang CDĐL;

c) Sản phẩm nón lá không đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng theo công bố;

d) Thực hiện việc chuyển giao quyền sử dụng CDĐL cho tổ chức, cá nhân khác;

đ) Thực hiện việc chuyển giao tem, nhãn sản phẩm mang CDĐL cho tổ chức, cá nhân khác;

e) Vi phạm Quy chế quản lý CDĐL;

g) Tổ chức sản xuất kinh doanh giải thể hoặc phá sản;

h) Tổ chức, cá nhân tự nguyện chấm dứt việc sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế".

i) Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị toà án cấm hành nghề kinh doanh.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL

a) Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ khi Hội Nón lá Huế hoặc cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hoặc nhận được đơn đề nghị thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý của các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý thuộc một trong các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này, Hội Nón lá Huế phải tổ chức kiểm tra, lập biên bản để quyết định việc thu hồi hay không thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày có kết quả kiểm tra Hội Nón lá Huế có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân trong diện kiểm tra giải thích các nội dung được xác nhận tại biên bản kiểm tra. Và ấn định thời hạn để giải thích là 30 (ba mươi) ngày.

c) Nếu tổ chức, cá nhân không giải trình hoặc giải trình không phù hợp, và thuộc một trong các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 13 Quy chế thì Hội Nón lá Huế ra quyết định chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý;

d) Sau thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, tổ chức, cá nhân bị thu hồi phải nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý và số tem, nhãn mang chỉ dẫn địa lý chưa sử dụng về Hội Nón lá Huế;

đ) Trường hợp cá nhân bị thu hồi thuộc đối tượng quy định tại điểm i) khoản 2 Điều 13 của quy chế này thì chậm nhất 05 ngày Hội Nón lá Huế phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý để thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý và số tem, nhãn mang chỉ dẫn địa lý chưa sử dụng;

e). Tổ chức, cá nhân bị thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý thuộc một trong các trường hợp từ điểm a đến điểm e khoản 2, Điều 13 Quy chế này, thì sau 03 năm kể từ ngày có quyết định thu hồi, mới được xét để cấp lại quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại được áp dụng như cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý lần đầu.

Điều 14. Cấp mã số thành viên

1. Các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý theo điểm b khoản 1 Điều 12 Quy chế này thì được Hội Nón lá Huế cấp mã số thành viên.

2. Mã số thành viên được ghi như sau: A/XY/xyz, trong đó: A là mã số của huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là cấp huyện); XY là mã số của xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) thuộc cấp huyện; xyz: là mã số của thành viên thuộc xã.

Điều 15. Cấp tem, nhãn sản phẩm mang CDDL

1. Hàng quý, các Tổ hội hướng dẫn các thành viên lập Phiếu yêu cầu cấp tem, nhãn sản phẩm tương ứng với số lượng lá nguyên liệu dự kiến được khai thác, sơ chế hoặc sản phẩm nón lá dự kiến sản xuất trong quý nộp cho Tổ hội.

2. Các Tổ hội tổng hợp số liệu của các thành viên, xác nhận thông tin và lập báo cáo gửi Ban Kiểm soát Hội.

3. Ban Kiểm soát Hội căn cứ đề xuất, đề tổng hợp trình Ban Thường vụ Hội ra quyết định cấp tem, nhãn sản phẩm cho mỗi thành viên.

Các thành viên phải nộp các khoản chi phí cho việc in tem, nhãn sản phẩm và các chi phí liên quan khác theo quy định của Hội.

4. Khi có quyết định cấp tem, nhãn sản phẩm, Ban Kiểm soát Hội phải tổ chức ghi (đóng) mã số sản phẩm lên tem, nhãn sản phẩm trước khi chuyển đến Tổ hội để cấp cho các thành viên.

Mã số sản phẩm được ghi như sau: A/XY/xyz/1234, trong đó: A/XY/xyz: là mã số thành viên; 1234: là số của sản phẩm (theo số thứ tự tương ứng với sản phẩm đã sản xuất được gắn mã số trong năm).

Điều 16. Công bố về Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL, mã số thành viên và số lượng tem, nhãn sản phẩm được cấp

Hội Nón lá Huế thông báo công khai trên trang Web của Hội và niêm yết tại trụ sở của Hội thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL, mã số thành viên và số lượng tem, nhãn sản phẩm được cấp cho mỗi thành viên theo từng đợt trong năm.

Điều 17. Sử dụng tem, nhãn sản phẩm mang CDĐL

1. Việc khai thác, sơ chế nguyên liệu, sản xuất sản phẩm nón lá mang CDĐL “Huế” phải tuân thủ các quy trình sản xuất sản phẩm nón lá Huế và chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát.

2. Sản phẩm nón lá mang CDĐL “Huế” phải được gắn tem, nhãn sản phẩm trước khi đưa ra thị trường. Các thành viên phải chịu trách nhiệm về sản phẩm do mình gắn tem, nhãn.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Điều 18. Các hoạt động hỗ trợ quản lý chỉ dẫn địa lý

1. Hoạt động quản lý nhà nước về chỉ dẫn địa lý và hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong phát triển CDĐL do Sở Khoa học và Công nghệ đảm nhận.

2. Hoạt động quản lý và hỗ trợ quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu của CDĐL do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm nhận.

3. Hoạt động quản lý, kiểm tra sản phẩm mang CDĐL lưu thông trên thị trường và hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại về sản phẩm mang CDĐL do Sở Công Thương đảm nhận.

4. Hoạt động quản lý và hỗ trợ hoạt động liên kết văn hóa và du lịch với phát triển CDĐL do Sở Văn hóa, Thể thao đảm nhận.

5. Các sở, ngành có liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình đảm nhận phối hợp với Hội Nón lá Huế trong việc quản lý và phát triển CDĐL.

6. Hoạt động quản lý lao động nghề nón lá trên địa bàn do Ủy ban nhân dân các cấp thuộc vùng CDĐL đảm nhận.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Kinh phí sử dụng cho hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý “Huế”

Nguồn kinh phí sử dụng cho hoạt động quản lý CDĐL “Huế”, bao gồm:

1. Kinh phí sự nghiệp của các ngành thực hiện các hoạt động quản lý và hỗ trợ quản lý chỉ dẫn địa lý.
2. Các khoản hỗ trợ từ các chương trình của trung ương và địa phương.
3. Các khoản thu từ cấp tem, nhãn mang chỉ dẫn địa lý.
4. Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, tổ chức và cá nhân có liên quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với CDĐL “Huế” theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành liên quan; ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế theo thẩm quyền: Tuyên truyền, quảng bá; phổ biến, xúc tiến thương mại, giới thiệu Nón lá Huế mang CDĐL “Huế” ra các thị trường trong nước và nước ngoài.

3. Hội Nón lá Huế, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

4. Mọi hành vi vi phạm Quy chế sẽ bị xử lý theo Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 21. Sửa đổi Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Hội Nón lá Huế đề sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Phụ lục

Các chỉ tiêu chất lượng chính của nón Huế được công bố tại Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00020 theo Quyết định số 1347/QĐ-SHTT ngày 19/7/2010 của Cục Sở hữu trí tuệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý "Huế" cho sản phẩm nón lá ở tỉnh Thừa Thiên Huế)

| TT | Chỉ tiêu chính | Đơn vị | Định lượng | Ghi chú |
|----|----------------------------------|--------|---------------|---------|
| 1 | Trọng lượng nón – M | | | |
| | Nón bài thơ | g | 57 - 60 | |
| | Nón 3 lớp | g | 63 - 67 | |
| 2 | Đường kính nón - D | cm | 40 - 42 | |
| 3 | Chiều cao nón - H | cm | 17 - 19 | |
| 4 | Tính cân đối của nón - tỉ số H/D | - | 0,404 - 0,475 | |